

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 01 - Đợt 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 10 – 11/01/2024

Ngày cung cấp TT: 12/01/2024

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống mở hé.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vua (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6 .***

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).***

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên.***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh CG 16.***

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>			<i>6.5 – 8.5</i>			<i>≥ 6</i>					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>≥ 5</i>					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>≥ 4</i>					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>			<i>< 6.0 hoặc > 8.5</i>			<i>≥ 2</i>					
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm, nước đang được lấy vào nội đồng. Cổng mở, trạm bơm đang hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.46	26.7	6.69	0.1	0.389	0.106	238	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 99%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.45	27.5	6.73	0.1	0.319	0.072	240	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 98%, gió ĐB 19 km/h.	7.77	13.6	7.08	0.2	0.357	0.158	253	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								A.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 97%, gió ĐB 19 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.56	34.9	6.82	0.2	0.451	0.128	318	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.8	12.7	5.3	0.4	0.427	0.257	557	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		kênh Như Trác.									
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.39	11.9	5.87	0.3	0.738	1.193	424	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
7	Cổng Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 100%, gió ĐB 16 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.97	21.3	5.84	0.3	0.373	0.968	419	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h.	7.55	40.6	7.19	0.2	0.435	0.108	306	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tươi, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Dòng chảy chậm, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có bèo. Nước màu vàng lục.								A.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 98%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Chanh vào. Nước màu vàng lục.	7.43	21.8	7.04	0.1	0.280	0.086	230	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 98%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Chanh vào. Hai bên kênh có bèo. Nước	7.36	25	6.59	0.7	0.287	5.625	869	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	màu vàng lục.								
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy rất chậm từ hướng Vĩnh Trĩ về. Nước màu vàng lục.	7.56	30.1	6.72	0.3	0.451	0.126	348	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm vào sông Sắt, cống mở hé. Thượng lưu đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.36	26.8	5.12	0.3	0.521	0.558	472	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 99%, gió ĐB 17 km/h.	7	23.7	2.26	0.4	3.186	3.465	537	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước đầy. Nước màu vàng đục.								mức B.
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 99%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng cống 3/2 về. Nước màu vàng lục.	6.97	36.2	5.12	0.2	0.303	0.110	349	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước đầy. Nước màu xanh lục.	7.3	33	5.36	0.5	0.326	0.855	612	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng	7.19	38.2	5.05	0.2	1.197	1.373	342	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			đục.								
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng Hữu Bị về. Thượng lưu cầu có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.21	31.1	5.26	0.3	0.357	0.131	277	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 100%, gió ĐB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hướng ngã ba Biên Hòa. Nước màu vàng lục.	7.43	17.3	5.81	0.3	0.342	0.990	429	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 98%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé từ sông Chanh vào. Nước màu vàng	7.37	36.1	6.4	0.3	0.311	0.106	379	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lục.								
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 99%, gió ĐB 18 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.2	37.3	6.98	0.3	0.466	0.140	414	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO đạt mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI